TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST Ngày: 19 – 02 – 2025 V/v "Tranh chấp xin ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2025/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025 về: "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Mùi E, sinh năm 1989 (Có mặt).

Nơi ĐKHK: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Võ Dân N, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Nơi ĐKHK: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 03/02/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mùi E trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Võ Dân N chung sống với nhau vào năm 2008 nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, tính cách không hoà hợp. Xét thấy, hôn nhân không mang lại hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Dân N.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Võ Dân L, sinh ngày 11/5/2012. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 03/02/2025 ông Võ Dân N trình bày: Về thời gian chung sống và con chung như lời trình bày của bà Mùi E là đúng. Nay xét thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với bà M. Hiện nay con chung do bà Mùi E trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn ông yêu cầu giao con cho bà Mùi E trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, yêu cầu không mở phiên họp công khai, chứng cứ, hoà giải và yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Bà Mùi E có mặt vẫn giữ quan điểm. Ông N vắng mặt không có ý kiến trình bày khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mùi E khởi kiện xin ly hôn với ông Võ Dân N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Võ Dân N, cư trú tại ấp R, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Võ Dân N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mùi E và ông Võ Dân N thống nhất trình bày chung sống với nhau vào năm 2008 nhưng đến nay không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn, có xác nhận của UBND xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau và UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, tính cách không hoà hợp. Xét thấy, hôn nhân không hạnh phúc nên bà Mùi E và ông N thống nhất ly hôn.

Như vậy, bà M và ông N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày

06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình… "*Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ*". Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*". Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…*". Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Mùi E và ông N là có căn cứ.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Võ Dân L, sinh ngày 11/5/2012 hiện do bà Mùi E trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà Mùi E yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại bản tự khai ngày 03/02/2025, con chung Võ Dân L có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Mùi E. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung hiện nay đang sống cùng với bà Mùi E vì vậy để ổn định môi trường sống của con chung và nguyện vọng của con nên tiếp tục giao con chung cho bà Mùi E nuôi dưỡng là phù hợp. Bà Mùi E không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Mùi E phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Mùi E và ông Võ Dân N là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao con chung Võ Dân L, sinh ngày 11/5/2012 cho bà Nguyễn Thị Mùi Em tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Võ Dân N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Dân N không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà Nguyễn Thị Mùi E.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Mùi E phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Mùi E đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003772 ngày 03 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Như